TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐẮK GLONG
TỈNH ĐẮK NÔNG
Bản án số: 61/2017/HSST
Ngày 29-11-2017

CỘNG HÒA XÃ H CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ H CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK GLONG, TỈNH ĐẮK NÔNG

- Thành phần H đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Lê Thị Hồng Nhung

Các H thẩm nhân dân: Bà Đặng Thị Hồng và ông Phạm Văn Tưởng

***- Thư ký phiên toà*:** Ông Nông Đình Chiến – Thư ký Tòa án

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Glong tham gia phiên toà*:** Ông Nguyễn Viết Cường - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 11 năm 2017, tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Đắk Glong, tỉnh Đắk Nông xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 59/2017/TLST-HS ngày 13 tháng 11 năm 2017 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 64/2017/QĐXXST-HS ngày 17 tháng 11 năm 2017 đối với bị cáo:

Kiều Văn L, sinh năm 1985 tại Nam Định; nơi ĐKNKTT: Tổ dân phố 9, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh L Đồng; chỗ ở hiện nay: Thôn Q, xã Q, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông; nghề nghiệp: Thợ cơ khí; trình độ học vấn: 8/12; dân tộc: Kinh; con ông Kiều Văn L và bà Kiều Thị H; có vợ là Nguyễn Thị T và có 02 con; tiền án: 01*(Ngày 27/11/2015 tại Bản án hình sự sơ thẩm số 23/2015, TAND huyện Đạ Tẻh, tỉnh L Đồng xử phạt 09 tháng tù về tội trộm cắp tài sản, chấp hành xong hình phạt tù ngày 17/5/2016, chưa được xóa án tích)*; bị bắt tạm giam từ ngày 14/9/2017; hiện tạm giam - có mặt.

Người bị hại: Ông Đỗ Văn H, sinh năm 1956; địa chỉ: Thôn Q, xã Q, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông – vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do có tranh chấp về đất đai nên vợ chồng ông Đỗ Văn H, bà Nguyễn Thị B thỏa thuận trả cho Nguyễn Văn T số tiền 10.000.000đ. Vợ chồng ông H hẹn đến ngày 16/7/2017 sẽ trả tiền cho T nhưng đến hẹn vợ chồng ông H chưa trả tiền. Khoảng 17 giờ ngày 19/7/2017 tại nhà T trong khi uống rượu T nói với L *"Đi với anh một tí" (T không nói cho L biết là đi đâu)* thì L đồng ý. Sau đó T điều khiển xe mô tô chở L đến nhà rẫy của vợ chồng ông H ở: Thôn 1, xã Đ, huyện Đ. Đến nơi, L đứng ở chỗ dựng xe còn T đi bộ vào nhà vợ chồng ông H.

Thấy vợ chồng ông H đứng ở vườn chanh dây cạnh nhà, T đi lại hỏi ông H *"Sao ông hẹn 10 ngày trả tiền, qua mấy ngày mà không thấy nói gì cả?"* thì ông H trả lời *"Chờ cho ít hôm nữa, con chưa gửi tiền về kịp, ít hôm nữa gửi về rồi trả"*. Do không đòi được tiền nên T cãi nhau với ông H. Thấy vậy, L bực tức đi vào bếp nhà ông H lấy 01 con dao chặt củi đi đến chỗ ông H và nói "*Ông tính lừa anh em tôi à"* vừa dùng tay phải cầm dao cứa vào mặt trước bả vai trái và ngực bên trái của ông H gây thương tích. Ông H bị đau, ngồi xuống thì L tiếp tục dùng chân trái đạp 01 cái vào người ông H nhưng không gây thương tích. Sau đó, L vứt dao xuống đất, tiếp tục đi vào bếp nhà ông H lấy 01 con dao Thái Lan rồi đi ra chỗ xe mô tô của vợ chồng ông H dựng trước hiên nhà dùng dao cứa 02 nhát lên yên xe làm rách yên xe và đập vỡ 01 gương chiếu hậu của xe. Sau đó T và L đi về. Ngày 01/8/2017, ông Đỗ Văn H có đơn yêu cầu khởi tố đối với L gửi Cơ quan CSĐT Công an huyện Đ.

Vật chứng của vụ án: 01 con dao chặt củi, lưỡi dao bằng sắt dài 30cm, cán dao bằng gỗ dài 12cm; 01 chiếc áo sơ mi sọc ngang, màu đen trắng, có 01 vết rách phía vai trái và 01 vết rách ở mép túi áo bên trái. Ngoài ra Cơ quan CSĐT Công an huyện Đắk Glong còn thu giữ 01 con dao Thái Lan, lưỡi bằng sắt dài 17 cm, cán bằng gỗ kích thước (3x1x1,2)cm.

Tại Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 185/TgT ngày 11/8/2017 của Trung tâm pháp y thuộc Sở y tế tỉnh Đắk Nông kết luận thương tích của ông Đỗ Văn H như sau: Sẹo vết thương phần mềm, số lượng ít, kích thước nhỏ, tỷ lệ 02%; Sẹo vùng bả vai trái được gây nên trực tiếp bởi vật sắc.

Bản cáo trạng số 61/CTr-VKS ngày 10 tháng 11 năm 2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Glong, tỉnh Đắk Nông truy tố bị cáo Kiều Văn L về tội "Cố ý gây thương tích" quy định tại điểm a, i khoản 1 Điều 104 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa bị cáo khai nhận hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng và thừa nhận cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Glong truy tố đối với bị cáo là đúng, không oan; bị cáo đồng ý bồi thường thêm số tiền 3.000.000đ theo yêu cầu của người bị hại.

Kết quả tranh luận tại phiên tòa, sau khi phân tích nội dung vụ án, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị H đồng xét xử áp dụng điểm a, i khoản 1 Điều 104; các điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48 của Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo từ 06 đến 09 tháng tù; đề nghị trả lại cho ông Đỗ Văn H 02 con dao; tịch thu, tiêu hủy 01 chiếc áo sơ mi do không còn giá trị sử dụng và buộc bị cáo tiếp tục bồi thường cho bị hại 3.000.000đ.

Bị cáo nói lời sau cùng: Thừa nhận về hành vi phạm tội và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Cơ quan điều tra Công an huyện Đắk Glong; Kiểm sát viên, Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đắk Glong trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, bị hại không khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

[2]. Về tội danh: Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với các tài liệu chứng cứ đã được thu thập lưu trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên tòa. Các chứng cứ buộc tội và quan điểm của đại diện Viện kiểm sát đối với việc giải quyết vụ án là có căn cứ pháp lý; qua đó xác định khoảng 17 giờ 45 phút ngày 19/7/2017, tại nhà rẫy ông Đỗ Văn H ở: Thôn 1, xã Đ, huyện Đ, mặc dù không quen biết cũng không có mâu thuẫn từ trước Kiều Văn L đã dùng dao chặt củi cứa vào mặt trước bả vai trái và ngực bên trái của ông H gây thương tích 02%, ông H có đơn yêu cầu và bị cáo là người có tiền án . Vì vậy, đã có đủ căn cứ để kết luận bị cáo Kiều Văn L phạm tội "Cố ý gây thương tích" theo điểm a, i khoản 1 Điều 104 của Bộ luật hình sự.

Điều 104 Bộ luật hình sự năm 1999 quy định:

1. Người nào cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ thương tật từ 11% đến 30% hoặc dưới 11% nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ sáu tháng đến ba năm:

a) Dùng hung khí nguy hiểm…

…

i) Có tính chất công đồ

[3]. Về tính chất, mức độ của hành vi phạm tội, nhân thân: Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm vì bị cáo biết tính mạng, sức khỏe của con người được pháp luật tôn trọng và bảo vệ; mặc dù không có mâu thuẫn nhưng bị cáo đã dùng dao gây thương tích cho bị hại; bị cáo phạm tội trong trường hợp tái phạm quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 của Bộ luật hình sự. Do vậy, hành vi của bị cáo cần phải xử phạt nghiêm, nhằm cải tạo giáo dục bị cáo, đồng thời răn đe và phòng ngừa chung. Tuy nhiên, sau khi phạm tội bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đã tự nguyện bồi thường khắc phục một phần thiệt hại, bố đẻ của bị cáo là thương binh nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy tại các điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 của Bộ luật hình sự.

Đối với Nguyễn Văn T không có sự bàn bạc, xúi giục, giúp sức Kiều Văn L khi gây thương tích cho ông Đỗ Văn H nên không có căn cứ để xử lý. Đối với hành vi của L dùng dao cứa rách yên xe và đập vỡ gương chiếu hậu xe mô tô của ông H gây thiệt hại dưới 2.000.000đ nên Công an xã Đ đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức cảnh cáo.

[4]. Về vật chứng: Căn cứ khoản 2 Điều 41 của Bộ luật hình sự; các điểm b, đ khoản 2 Điều 76 của Bộ luật tố tụng hình sự: Trả lại cho ông Đỗ Văn H 02 con dao *(Có đặc điểm như trong biên bản thu giữ)*; tịch thu, tiêu hủy 01 chiếc áo sơ mi *(Có đặc điểm như trong biên bản thu giữ)* do không còn giá trị sử dụng.

[5]. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ khoản 1 Điều 42 của Bộ luật hình sự; các Điều 584, Điều 590 của Bộ luật dân sự: Chấp nhận bị cáo đã bồi thường cho ông H số tiền 2.000.000 đồng; buộc bị cáo phải tiếp tục bồi thường cho ông H 3.000.000đ.

[6]. Về án phí: Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm và dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Kiều Văn L phạm tội "Cố ý gây thương tích"

Áp dụng các điểm a, i khoản 1 Điều 104; các điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48 của Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo **Kiều Văn L** *06 (sáu)* tháng tù, tính từ ngày 14/9/2017.

2. Về vật chứng: Căn cứ khoản 2 Điều 41 của Bộ luật hình sự; các điểm b, đ khoản 2 Điều 76 của Bộ luật tố tụng hình sự: Trả lại cho ông Đỗ Văn H 02 con dao *(Có đặc điểm như trong biên bản thu giữ)*. Tịch thu, tiêu hủy 01 chiếc áo sơ mi *(Có đặc điểm như trong biên bản thu giữ)* do không còn giá trị sử dụng.

3. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ khoản 1 Điều 42 của Bộ luật hình sự; các Điều 584, Điều 590 của Bộ luật dân sự: Chấp nhận bị cáo đã bồi thường cho ông H số tiền 2.000.000 đồng; buộc bị cáo phải tiếp tục bồi thường cho ông H 3.000.000đ *(ba triệu đồng)*.

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày bị hại có đơn yêu cầu thi hành án thì bị cáo còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật dân sự.

4. Về án phí: Áp dụng Điều 99 của Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc H về án phí, lệ phí Tòa án buộc bị cáo phải nộp 200.000đ *(hai trăm nghìn đồng)* án phí hình sự sơ thẩm và 300.000đ *(ba trăm nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm.

Quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Đ;
- Sở Tư pháp tỉnh Đắk Nông;
- Công an huyện Đ;
- Bộ phận hồ sơ CA huyện Đ;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- Bị cáo;
- Đương sự;
- Lưu .

TM.H ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(ĐÃ KÝ)

Lê Thị Hồng Nhung